TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS- ST
Ngày 24/5/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vi Quốc Thanh

Ông Nguyễn Văn Truyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày **24** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc "*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Trương Văn M, sinh 1969

Trú tại: Ấp P, xã Ph, huyện M, tỉnh Bến Tre. (ông M có văn bản ủy quyền cho anh Phan Văn D1, sinh 1989; Trú tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre (anh D có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**** Bị đơn*:** Trần Thanh T, sinh 1956; có mặt); Phạm Thị D, sinh 1957 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp S, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn anh Phan Văn D1 trình bày:

Vào năm 2015 ông M có hợp đồng bán thức ăn gia súc cho ông T, bà D, hai bên thỏa thuận khi nào phía ông T, bà D bán heo sẽ trả tiền, nhưng khi phía ông T, bà D bán heo nhiều lần vẫn không trả tiền thức ăn, đến tháng 02/2017 hai bên chấm dứt hợp đồng mua bán và kết sổ thì phía ông T, bà D còn nợ ông M tổng cộng

171.310.000 đồng, sau đó phía ông T bà D có trả được 5.000.000 đồng, hiện còn nợ 166.310.000 đồng đến nay vẫn không trả.

Nay yêu cầu ông T, bà D liên đới trả số tiền 166.310.000 đồng cho ông M, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn ông T trình bày: Thừa nhận vợ chồng có mua thức ăn gia súc của ông M và còn nợ ông M tổng số tiền 166.310.000 đồng, việc vợ chồng mua thức ăn gia súc để chăn nuôi nhằm phát triển kinh kế gia đình. Nay vợ chồng đồng ý liên đới trả cho ông M số tiền trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2018 bị đơn bà Phạm Thị D trình bày: Thừa nhận vợ chồng có mua thức ăn gia súc của ông M và còn nợ ông M tổng số tiền 166.310.000 đồng. Nay vợ chồng đồng ý liên đới trả cho ông M số tiền trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 430, 440, Bộ luật dân sự; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn M. Buộc ông Trần Thanh T, bà Phạm Thị D liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền 166.310.000 (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn) đồng và chịu án phí theo quy định pháp luật. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: anh D1 cho rằng quyền lợi của ông M bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán giữa ông M với ông T, bà D, nên ông M khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông M có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: các bên chấm dứt hợp đồng vào tháng 02/2017, Nghĩa là quyền lợi của ông M bị xâm phạm từ sau tháng 02/2017, đến ngày 20/4/2018 ông M khởi kiện. Căn cứ điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông M là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T2, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Anh D1 đại diện cho nguyên đơn và bị đơn bà Phạm Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D1 và bà D.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán thức ăn gia súc giữa các bên được hai bên anh D1 ông T, bà D thừa nhận có thật, phía ông T, bà D thừa nhận vợ chồng còn nợ ông M số tiền 166.310.000 đồng như ông M yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Ngoài ra theo ông T trình bày việc mua thức ăn của ông M chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình, ông và bà D là vợ chồng hợp pháp và cùng đứng ra giao dịch với phía ông M, việc ông T, bà D xin trả dần không được phía đại diện nguyên đơn chấp nhận, nên buộc ông T, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền 166.310.000 đồng cho ông M là phù hợp.

[2] Do ông T, bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên ông bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 430, 440, Bộ luật dân sự; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn M. Buộc ông Trần Thanh T, bà Phạm Thị D liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền 166.310.000 (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông M, nếu ông T, bà D chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà D liên đới chịu chịu 8.315.000 đồng. Hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí 4.158.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009287 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thanh Phong